

Số: *1004*/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày *31* tháng *7* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng
giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030” kèm theo Nội dung Kế hoạch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- UBND các Tỉnh, thành phố;
- Lưu VT, Vụ KHCNMT.



Phạm Hồng Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

“Chuyển đổi số ngành Xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1004 /QĐ-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Chuyển đổi số ngành Xây dựng là nội dung rất quan trọng cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả để góp phần tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dịch vụ công của Bộ Xây dựng;

2. Trong quá trình xây dựng các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành xây dựng, phải nghiên cứu, xem xét lồng ghép tối đa các nội dung về chuyển đổi số;

3. Chuyển đổi số phải được thực hiện một cách tổng thể, có lộ trình phù hợp, tiến tới toàn diện và đồng bộ trong mọi lĩnh vực của ngành Xây dựng; xác định phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước là trung tâm của chuyển đổi số;

4. Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công của chuyển đổi số; thực hiện các giải pháp toàn diện để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

II. ĐỐI TƯỢNG, LĨNH VỰC ƯU TIÊN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Cơ sở dữ liệu số (CSDL) trong đó bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, đơn giá để phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

2. Thực hiện Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng;

3. Hoạt động xây dựng (tư vấn thiết kế; tư vấn thẩm tra, thẩm định; thi công xây lắp; nghiệm thu công trình);

4. Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng;

5. Quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

6. Nhà ở, công sở và thị trường bất động sản.

III. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1. Hoàn thiện thể chế để phục chuyển đổi số của ngành Xây dựng;
2. Vận hành và cập nhật Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng;
3. Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu số: văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn; định mức và giá xây dựng; nhà ở, thị trường bất động sản; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; quy hoạch xây dựng; nâng cấp đô thị; thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng; nghiệm thu các công trình đưa vào sử dụng; thanh tra, kiểm tra; hồ sơ cán bộ, viên chức ngành Xây dựng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức và cá nhân; phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng; đề tài, dự án sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học công nghệ và môi trường;
4. Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để xây dựng CSDL phục vụ chuyển đổi số cho một số lĩnh vực ưu tiên;
5. Lựa chọn một số đối tượng cụ thể trong phạm vi quản lý nhà nước của ngành Xây dựng để ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số:
 - Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý GIS trong công tác lập quy hoạch và quản lý hoạch xây dựng;
 - Ứng dụng Mô hình thông tin công trình BIM trong các hoạt động đầu tư xây dựng công trình;
 - Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý vận hành đô thị thông minh, doanh nghiệp số.
6. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng làm chủ công nghệ số.

IV. CÁC NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức bằng các hình thức phù hợp và thường xuyên để phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động về: Chính phủ điện tử; tăng cường chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; mô hình kinh tế số; mô hình doanh nghiệp số.

2. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin hoặc thuê hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị phục vụ Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; phục vụ lưu trữ CSDL của Bộ Xây dựng.

3. Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các đơn vị trực thuộc Bộ, các cơ quan quản lý chuyên ngành xây dựng địa phương bằng các phương thức phù hợp. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn quá trình thực hiện Kế hoạch theo định kỳ hàng năm thông qua việc tổ chức các cuộc giao ban trực tiếp, trực tuyến thực hiện các nội dung trong Kế hoạch.

4. Bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức bộ máy

Thành lập tổ giúp việc cho Bộ trưởng để thực hiện Kế hoạch. Trong sắp xếp tổ chức, biên chế và đề án vị trí việc làm cần gắn với chuyển đổi số ngành Xây dựng. Từng đơn vị phải bố trí, phân công người phụ trách công việc chuyển đổi số.

2. Thủ trưởng các đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao lập kế hoạch, dự toán kinh phí, cử người phụ trách chuyển đổi số gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Kế hoạch Tài chính trước ngày 30 tháng 8 để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

3. Các cơ quan chuyên môn quản lý xây dựng ở địa phương căn cứ nội dung, nhiệm vụ, chủ động xây dựng Kế hoạch báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố.

4. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các đơn vị gửi báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp, nhiệm vụ mới về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ.

PHỤ LỤC I
NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
Giai đoạn 2020 - 2025				
I	Hoàn thiện thể chế để phục vụ chuyển đổi số của ngành Xây dựng			
1	Xây dựng Danh mục văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, định danh, định dạng mã cho các hồ sơ, tài liệu để phục vụ chuyển đổi số.	Trước 31/3/2021, trình Bộ trưởng ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, định danh, định dạng mã cho các hồ sơ, tài liệu để phục vụ chuyển đổi số.	PC/ VP và Các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ	SNKT/ 2020-2021
2	Biên soạn các văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, quy trình, thủ tục xử lý văn bản đi và đến để phục vụ nhiệm vụ chuyển đổi số.	Năm 2025, 100% các văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, định danh, định dạng mã cho các hồ sơ, tài liệu để phục vụ chuyển đổi số được ban hành	PC và các đơn vị được giao (1)/ Các Cục, Vụ Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ	SNKT 2021-2024
II	Hoàn thành việc xây dựng và vận hành có hiệu quả Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng			
3	Vận hành và cập nhật Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; nâng cao tính năng và khả năng tích hợp của Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng đảm bảo vận hành an toàn trong mọi tình huống.	Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng	TTTT/ VP, các Cục, Vụ	SNKH và chương trình CNTT/ Thường xuyên
4	Đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo đủ năng lực để vận hành	Đảm bảo nền tảng và khả năng xử lý thông tin của Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng	TTTT/ KHTC, VP	Chi đầu tư/ 2020-2022

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
5	<p>Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng.</p> <p>Xây dựng quy định, quy trình xử lý văn bản phục vụ vận hành Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.</p>	<p>Cuối năm 2020, tất cả các đơn vị cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp phải ban hành quy trình và thực hiện xử lý hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4 theo quy định.</p>	VP và các Cục, Vụ/ TTTT	CTX/ 2020, cập nhật điều chỉnh hàng năm
6	<p>Cập nhật việc thực hiện các chỉ tiêu trong Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ “Về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025” và Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Xây dựng</p>	<p>Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng đạt và vượt các mục tiêu được ban hành trong Nghị quyết 17/NQ-CP ngày 17/3/2019 của Chính phủ</p>	TTT/ VP, các Cục, Vụ	CTX/ thường xuyên
III	Hoàn thành xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số của Bộ	Hoàn thành xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số của Bộ	VP/ TTT và các Cục, Vụ	SNKH/ 2020-2021
7	<p>Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu số của Bộ Xây dựng.</p>	<p>Xây dựng được hệ thống CSDL, số hóa các tài liệu: văn bản quy phạm pháp luật; định mức và giá xây dựng; tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật xây dựng; các nhiệm vụ khoa học công nghệ, các dự án điều tra khảo sát sự nghiệp kinh tế; các hồ sơ quy hoạch; nâng cấp đô thị; thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng; nghiệm thu các công trình; thanh tra kiểm tra; hồ sơ cán bộ công chức</p>	VP/ TTT và các Cục, Vụ	SNKH/ 2020-2021

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
		của Bộ; hồ sơ cấp chứng chỉ năng lực các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; quy định trách nhiệm, nhiệm vụ cho các Cục, Vụ để xây dựng CSDL và số hóa hồ sơ, tài liệu theo phân công của Bộ trưởng.		
8	Xây dựng CSDL, số hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng để lưu trữ, khai thác chia sẻ, dùng chung.	Năm 2022, toàn bộ CSDL văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng được số hóa	PC/ VP, TTTT và các Cục, Vụ	SNKH/ 2020-2022, cập nhật hàng năm
9	Xây dựng CSDL, số hóa hệ thống định mức và giá xây dựng để khai thác, chia sẻ, dùng chung.	Năm 2022, toàn bộ số hóa hệ thống định mức và giá xây dựng được số hóa	KTXD/ Viện KTXD	SNKH/ 2020-2022
10	Xây dựng CSDL, số hóa hệ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng để khai thác, chia sẻ, dùng chung.	Năm 2022, toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng được số hóa	IBST, VIBM/ KHCN, Các viện nghiên cứu và TCDLCL	SNKH/ 2020-2022
11	Xây dựng CSDL, số hóa các nhiệm vụ khoa học công nghệ để khai thác trong phạm vi cơ quan Bộ.	Năm 2023, xây dựng xong CSDL số hóa 100% các nhiệm vụ khoa học công nghệ giai đoạn 2018-2022	KHCN/ VP, Các viện nghiên	SNKH/ 2021-2023
12	Xây dựng CSDL, số hóa các dự án điều tra khảo sát thuộc nguồn ngân sách sự nghiệp kinh tế.	Năm 2023, xây dựng xong CSDL số hóa 100% các nhiệm vụ dự án sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2018-2022.	KHTC/ VP, Các viện nghiên cứu	SNKT/ 2021-2023
13	Xây dựng CSDL, số hóa các hồ sơ năng cấp	Năm 2023, toàn bộ CSDL về năng cấp các	PTĐT/	CTX/

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
14	đô thị để công khai và phục vụ công tác quản lý của Bộ. Xây dựng CSDL về nhà ở, công sở, các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội được cấp phép hàng năm, chỉ số giá một số loại bất động sản tại các đô thị.	đô thị trong giai đoạn 2015-2023 được công khai trên cổng thông tin của Bộ	TTTT, các địa phương	2021-2023
15	Xây dựng CSDL về nhà ở, công sở, các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội được cấp phép hàng năm, chỉ số giá một số loại bất động sản tại các đô thị.	2022, xây dựng xong CSDL về nhà ở, công sở; thông tin về các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội được cấp phép hàng năm, chỉ số giá một số loại bất động sản tại các đô thị được công khai trên trang Website của Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản	QLN/ Viện KTXD VP, các địa phương	CTX, SNKH/ 2020-2022
16	Xây dựng CSDL về nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất vật liệu xây dựng trong nước để quản lý.	năm 2024, xây dựng xong CSDL về các nguồn nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng gồm: loại nguyên liệu, trữ lượng, tình trạng (đang khai thác, nguyên trạng), vị trí địa lý, tiềm năng để phục vụ công tác quản lý của Bộ	VLXD/ Các địa phương	SNKT/ 2022-2024
17	Xây dựng CSDL về quy hoạch xây dựng, số hóa các đồ án quy hoạch để quản lý và công khai trên cổng thông tin của Bộ.	Năm 2022, 100% các đồ án quy hoạch xây dựng tại các thành phố trực thuộc trung ương được số hóa và công khai trên Cổng thông tin Công khai quy hoạch của Bộ.	QHKT/ TTTT, các địa phương	SNKH/ Cập nhật hàng năm
18	Xây dựng CSDL về các dự án đã được thẩm định đã được nghiệm thu tại các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.	Năm 2023, 100% các dự án được thẩm định/nghiệm thu do các Cục, Vụ chức năng của Bộ làm đầu mối được số hóa để quản lý	HĐXD; GĐNN/ TTTT	CTX/ 2020-2023
18	Xây dựng CSDL các tổ chức, cá nhân được cấp chứng chỉ năng lực hành nghề xây dựng	Năm 2022, 100% các tổ chức, cá nhân được cấp cấp chứng chỉ năng lực hành nghề xây dựng được số hóa và công khai trên cổng	HĐXD/ TTTT	CTX/ 2020-2022

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
	theo quy định.	thông tin của Bộ		
19	Xây dựng CSDL, số hóa hồ sơ thanh tra các tổ chức, cá nhân, các dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật	Năm 2023, 100% hồ sơ thanh tra do thanh tra Bộ thực hiện được số hóa để quản lý	TTB/ TTTT	CTX/ 2021-2023
20	Xây dựng CSDL về hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan trực thuộc Bộ Xây dựng.	Năm 2023, 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức người lao động trực thuộc Bộ được số hóa để quản lý	TCCB/ Các đơn vị trực thuộc	SNKH/ 2021-2023
21	Xây dựng CSDL về nguồn nhân lực ngành Xây dựng.	Đến năm 2022, CSDL về nguồn nhân lực ngành Xây dựng được hoàn thiện và cập nhật hàng năm	AMC/ TCCB, các địa phương	SNKT/ 2020-2022
IV	Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để chuyển đổi số một số lĩnh vực	Phương để chuyển đổi số một số lĩnh vực		
22	Hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng CSDL số để phục vụ công tác quản lý chuyên môn về công tác quy hoạch xây dựng	Năm 2025, các địa phương được hướng dẫn có đủ CSDL số để quản lý hoạt động quy hoạch xây dựng ở địa phương	QHKT/ TTTT, các địa phương	Địa phương tự cân đối/ 2023-2025
23	Hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng CSDL số để phục vụ công tác quản lý chuyên môn về hoạt động xây dựng	Năm 2025, các địa phương được hướng dẫn có đủ CSDL số để quản lý hoạt xây dựng ở địa phương	HDXD/ TTTT, các địa phương	Địa phương tự cân đối/ 2023-2025
24	Hướng dẫn các thành phố trực thuộc Trung ương được lựa chọn thí điểm xây đô thị thông minh trong việc lựa chọn tiêu chí, tiêu chuẩn áp dụng, xây dựng CSDL số các công trình hạ tầng kỹ thuật phục nhằm kết nối với	Năm 2025, có 03 thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng thành công đô thị thông minh theo tiêu chuẩn, tiêu chí áp dụng	PTĐT/ HTKT, các địa phương	Địa phương tự cân đối/ 2023-2025

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
V	<p>trung tâm điều hành đô thị thông minh</p> <p>Lựa chọn một số đối tượng cụ thể trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngành để ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số</p>			
25	Xây dựng danh mục và ban hành các tiêu chuẩn, tiêu chí về đô thị thông minh.	Năm 2024, ban hành cơ bản đồng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí về đô thị thông minh theo chức năng nhiệm vụ của Bộ	PTĐT/ KHCN, QHKT, các Viện nghiên cứu	SNKH/ 2020 -2024
26	Xây dựng danh mục và ban hành các tiêu chuẩn áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM).	Năm 2023, ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn áp dụng BIM trong thiết kế kiến trúc, kết cấu, hạ tầng, cơ điện.	Viện KTXD/ KHCN, các viện nghiên cứu	SNKH/ 2020 - 2023
27	Xây dựng quy trình nhận hồ sơ, thẩm định các dự án được thiết kế trên nền tảng Mô hình thông tin công trình (BIM).	Năm 2025, khoảng 10% dự án xây dựng được triển khai trên nền tảng BIM, Bộ Xây dựng tiếp nhận nhận hồ sơ thiết kế trên nền tảng BIM để thẩm định bằng hình thức trực tuyến (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4)	HDXD/ Viện KTXD	CTX/ 2023 -2025
28	Xây dựng quy trình lập quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng trên nền tảng GIS.	Năm 2025, 15% các đô án quy hoạch đô thị được lập trên nền tảng GIS.	QHKT/ VIUP	SNKH/ 2021 -2023
29	Phối hợp với các Bộ/ngành, địa phương lựa chọn 02 doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng để chuyển đổi số	Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp số; công nhân được đào tạo thích ứng với môi trường sản xuất có tính tự động hóa cao; kết nối CSDL từ sản xuất đến các nhà phân phối sản phẩm	QLDN/ VIBM, Các Hội, Hiệp hội, các địa phương	SNKH và hỗ trợ từ doanh nghiệp/ 2022 -2025
30	Phối hợp với các Bộ/ngành, địa phương lựa chọn 02 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh	Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp số; đào tạo hướng	HDXD/ Viện KTXD	SNKH và hỗ trợ từ doanh nghiệp

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
	vực tư vấn xây dựng để chuyển đổi số	dẫn BIM trong hoạt động tư vấn thiết kế; hướng dẫn quy trình gửi hồ sơ số đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm định		nghiệp/ 2022 -2025
VI	Nhân lực ngành xây dựng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số			
31	Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho bộ, công chức, viên chức ngành Xây dựng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức ngành xây dựng về lợi ích của chuyển đổi số; trang bị kỹ năng, quy trình xử lý văn bản trong vận hành Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng	AMC/ TCCB, TTTT	CTX/ 2020-2023
32	Sinh viên các trường đào tạo trực thuộc Bộ Xây dựng đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của ngành Xây dựng.	Xây dựng chương trình đào tạo các ngành gắn với nội dung số (AI, IoT, BIM, Tự động hóa, AR, BIM, GIS); ứng dụng công nghệ số trong đào tạo, quản lý sinh viên, quản trị nhà trường	TCCB/ KHTC, các trường đại học, cao đẳng nghề trực thuộc Bộ	SNDT, CTX/ 2020 -2025
Định hướng đến năm 2030				
1	Tiếp tục hoàn thiện thể chế để phục vụ chuyển đổi số của Bộ Xây dựng	Năm 2026, toàn bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật, quy định về định danh, định dạng mã cho các hồ sơ, tài liệu để phục vụ chuyển đổi số được cập nhật đồng bộ	PC/ VP và Các Viện nghiên cứu	SNKH, SNKT/ 2026-2030
2	Hoàn thành việc xây dựng và vận hành Chính phủ điện tử của Bộ Xây dựng, hướng tới Chính phủ số sau năm 2025	Đảm bảo hiệu lực hiệu quả hoạt động của Chính phủ điện tử Bộ Xây dựng; đảm bảo năng lực vận hành; đảm bảo an toàn an ninh mạng; các mức độ cung cấp dịch vụ công	TTTT/ VP, các Cục, Vụ	SNKH, SNKT, CTX/ 2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
3	Hoàn thành xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	trực tuyến và ứng dụng cung cấp dịch vụ công trên các thiết bị di động đạt các mục tiêu nêu trong Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	VP/ TTTT và các Cục, Vụ	SNKH, SNKT, CTX / 2026-2030
4	Phối hợp với cơ quan quản lý xây dựng địa phương để chuyển đổi số một số lĩnh vực.	Cấp nhật CSDL của toàn bộ các tài liệu; văn bản quy phạm pháp luật; quy phạm kỹ thuật; công văn đi và đến; các hồ sơ quy hoạch; nâng cấp đô thị; thám định dự án đầu tư xây dựng; nhiệm vụ các công trình; thanh tra kiểm tra; hồ sơ cán bộ công chức của Bộ; hồ sơ cấp chứng chỉ năng lực các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; từng bước xây dựng dữ liệu lớn (Big Data); ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc khai thác dữ liệu.	Cơ quan chuyên môn về xây dựng ở phương/ VP, TTTT, các Cục, Vụ	Địa phương tự cân đối/ 2026-2030
5	Lựa chọn một số đối tượng cụ thể trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngành để ứng dụng	Năm 20230, các cơ quan chuyên môn về xây dựng ở địa phương xây dựng xong CSDL phục vụ quản lý nhà nước ở địa phương, liên thông trên trục thông tin quốc gia, chia sẻ dùng chung CSDL, xây dựng thành công chuỗi đô thị thông minh theo tiêu chuẩn lựa chọn áp dụng.	KHCN, Cục PTĐT, Cục	SNKH (trường hợp triển khai

TT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu cụ thể	Đơn vị chủ trì/ phối hợp	Nguồn kinh phí / thời gian thực hiện
	Thành tựu khoa học công nghệ cho việc chuyển đổi số	30%; các dự án đầu tư xây dựng được triển khai trên nền tảng BIM khoảng 20%, tất cả các hồ sơ thẩm định tại Bộ xây dựng hoặc các cơ quan chuyên môn về xây dựng ở địa phương đều có thể thực hiện trực tuyến ở mức độ 4; nhân rộng mô hình doanh nghiệp số đã được thí điểm thành công ở giai đoạn 2020-2025	HDXD/ Các đơn vị trong Bộ; các Bộ, ngành và chính quyền các địa phương	ở các địa phương hoặc doanh nghiệp thì các đơn vị triển khai tự cân đối)/ 2026 -2030
6	Nhân lực ngành xây dựng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành Xây dựng đảm bảo chuẩn năng lực về công nghệ thông tin, năng lực làm việc trong môi trường chuyển đổi số	TCCB/ AMC, TTTT, các trường đào tạo trực thuộc Bộ	CTX/ 2026-2030

Tên viết tắt sử dụng trong Phụ lục:

- Văn phòng Bộ (VP), Vụ Hợp tác quốc tế (HTQT), Quản lý doanh nghiệp (QLDN), Kế hoạch - Tài chính (KHTC), Khoa học công nghệ và môi trường (KHCVN), Tổ chức cán bộ (TCCB), Quy hoạch - Kiến trúc (QHKT), Pháp chế (PC), Vật liệu xây dựng (VLXD), Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (GDNN), Cục Kinh tế xây dựng (KTXD), Cục Hạ tầng kỹ thuật (HTKT), Cục Phát triển đô thị (PTĐT), Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản (QLN), Cục Quản lý hoạt động xây dựng (HDXD), Thanh tra Bộ Xây dựng (TTB);
- Viện Khoa học công nghệ xây dựng (IBST), Viện Kiến trúc quốc gia (VIAR), Viện Kinh tế xây dựng (Viện KTXD), Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP), Viện vật liệu xây dựng (VIBM), Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC), Trung tâm Thông tin (TTTT);
- Nguồn kinh phí: Sự nghiệp khoa học (SNKH), Sự nghiệp kinh tế (SNKT), Sự nghiệp đào tạo (SNDT), Chi thường xuyên (CTX), Công nghệ thông tin (CNTT), Cơ sở dữ liệu (CSDL)